BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH 12



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

NGHIÊM VIẾT HẢI (Tổng Chủ biên) – ĐOÀN CHÍ KIÊN (Chủ biên)
HOÀNG QUỐC HUY – MAI ĐỨC KIÊN – DOÃN VĂN NGHĨA

GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH

(Tái bản lần thứ hai, có chỉnh lí, bổ sung)

12

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Hướng dẫn sử dụng sách

MỞ ĐẦU

Thực hiện hoạt động mở đầu sẽ giúp em hướng đến những điều cần tìm hiểu của bài học.

KHÁM PHÁ

Thực hiện hoạt động khám phá sẽ giúp em hình thành kiến thức mới, giải quyết vấn đề đặt ra của bài học.

LUYỆN TẬP

Thực hiện hoạt động luyện tập sẽ giúp em củng cố, rèn luyện các kiến thức, kĩ năng đã học.

VẬN DỤNG

Thực hiện hoạt động vận dụng sẽ giúp em giải quyết những vấn đề trong cuộc sống có liên quan đến kiến thức đã học.

Câu hỏi hoặc yêu cầu, giúp em kiểm tra để củng cố kiến thức vừa được khám phá.

Em có biết?

Thông tin mục này giúp em mở rộng hiểu biết về nội dung bài học.

Hãy bảo quản, giữ gìn sách giáo khoa để dành tặng các em học sinh lớp sau!

Mục lục

Bài	Tên bài	Trang
	Lời nói đầu	4
1	Bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa sau năm 1975	5
2	Tổ chức Quân đội nhân dân Việt Nam và Công an nhân dân Việt Nam	13
3	Công tác tuyển sinh, đào tạo trong các trường Quân đội nhân dân Việt Nam và Công an nhân dân Việt Nam	22
4	Một số hiểu biết về chiến lược "diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam	31
5	Truyền thống và nghệ thuật đánh giặc giữ nước của địa phương	38
6	Kĩ thuật bắn súng tiểu liên AK	47
7	Tìm và giữ phương hướng	61
8	Vận dụng các tư thế, động tác cơ bản khi vận động trong chiến đấu	68
9	Chạy vũ trang	72
	Bảng giải thích một số thuật ngữ	79

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Lời nói đầu

Các em thân mến!

Sách giáo khoa *Giáo dục quốc phòng và an ninh 12* được biên soạn nhằm cụ thể hoá chương trình môn Giáo dục quốc phòng và an ninh cấp Trung học phổ thông theo Thông tư số 46/2020/TT-BGDĐT ban hành ngày 24/11/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; là tài liệu chính thức, được sử dụng để giảng dạy môn học trong các cơ sở giáo dục phổ thông theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Sách gồm 9 bài học ở các chủ đề: Một số hiểu biết chung về quốc phòng và an ninh; kĩ thuật chiến đấu bộ binh; chiến thuật bộ binh. Nội dung sách bám sát mục tiêu, yêu cầu cần đạt của chương trình; bảo đảm tính kế thừa và hiện đại; thống nhất trên phạm vi toàn quốc, phù hợp với vùng miền và nhận thức của học sinh lớp 12; tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động dạy và học, hướng tới phát triển phẩm chất, năng lực chung và đặc thù.

Mỗi bài học được thiết kế theo các hoạt động logic, khoa học, phù hợp với quy luật nhận thức, nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh. Nội dung các bài học được thể hiện hài hoà bằng kênh chữ và kênh hình. Ngôn ngữ được chọn lọc phù hợp với nhận thức của học sinh; hình ảnh thân thiện, trực quan, có tính giáo dục và thẩm mĩ cao, phù hợp với tâm lí của học sinh. Sách không chỉ giúp học sinh khám phá kiến thức mà còn bồi dưỡng khả năng tư duy, năng lực tự học suốt đời.

Chúc các em thành công!

CÁC TÁC GIẢ

Bài

1 BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA SAU NĂM 1975

Yêu cầu cần đạt đối với học sinh:

* Nêu được giá trị lịch sử và nghệ thuật quân sự Việt Nam trong cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam của Tổ quốc và cùng quân dân Campuchia chiến thắng chế độ diệt chủng (sau đây gọi là chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam của Tổ quốc); chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc của Tổ quốc và đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển, đảo Việt Nam trong giai đoạn cách mạng mới;
* Tích cực, chủ động rèn luyện và thực hiện ý thức trách nhiệm của công dân đối với sự nghiệp củng cố quốc phòng, an ninh và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

MỞ ĐẦU

Em hãy cho biết: Sau ngày giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975), Nhân dân ta đã tiến hành những cuộc chiến tranh, chiến đấu và đấu tranh nào để bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc?

KHÁM PHÁ

I. CHIẾN TRANH BẢO VỆ BIÊN GIỚI TÂY NAM CỦA TỔ QUỐC VÀ CÙNG QUÂN DÂN CAMPUCHIA CHIẾN THẮNG CHẾ ĐỘ DIỆT CHỦNG

1. Bối cảnh và những nét chính về cuộc chiến tranh

Việt Nam và Campuchia là hai nước láng giềng gần gũi, có mối quan hệ truyền thống, gắn bó từ lâu đời. Mối quan hệ ấy đã được hai quốc gia vun đắp bằng công sức, xương máu và trở thành tài sản chung vô giá, thiêng liêng, bền vững của hai dân tộc. Chiến thắng trong cuộc chiến tranh chống kẻ thù chung là thực dân Pháp và đế quốc Mỹ đã biểu hiện sinh động cho tình đoàn kết, hữu nghị giữa hai nước Việt Nam – Campuchia nói riêng, của ba nước Đông Dương nói chung.

Tuy nhiên, ngay sau khi lên cầm quyền vào tháng 4/1975, tập đoàn Pol Pot – Ieng Sary đã phản bội lại Nhân dân Campuchia và âm mưu phá hoại mối quan hệ hai nước Việt Nam – Campuchia. Ở trong nước, chúng thực hiện cải tạo xã hội theo mô hình cực đoan, thanh trừng nội bộ, thi hành chế độ diệt chủng, giết hại dã man hàng triệu người dân vô tội. Đối với Việt Nam, tập đoàn Pol Pot – Ieng Sary gây xung đột biên giới, đánh chiếm một số đảo, gây nhiều tội ác, xâm phạm nghiêm trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ.

Trước các hành động của tập đoàn Pol Pot – Ieng Sary, Đảng và Nhà nước ta dùng mọi biện pháp ngoại giao hoà bình để tránh xảy ra chiến tranh nhưng chúng không những cự tuyệt, khước từ mọi thiện chí mà còn đẩy mạnh hoạt động chống phá, ráo riết chuẩn bị chiến tranh. Ngày 30/4/1977, tập đoàn Pol Pot – Ieng Sary sử dụng lực lượng quân sự xâm phạm một số vùng lãnh thổ nước ta từ tỉnh Kiên Giang (nay là tỉnh An Giang) đến tỉnh Tây Ninh; cướp bóc tài sản, đốt nhà, phá hoại hoa màu, tàn sát dã man đồng bào ta.

Đồng thời, chúng ra sức tuyên truyền, xuyên tạc lịch sử, hình ảnh Việt Nam; kích động tư tưởng gây hận thù giữa hai dân tộc.

Để bảo vệ chủ quyền thiêng liêng của Tổ quốc, tính mạng và tài sản của Nhân dân, Đảng, Nhà nước đã chỉ đạo quân và dân ta tích cực chuẩn bị chiến tranh, kiên quyết đập tan mọi hành động xâm lược của địch. Ngày 15/6/1978, Bộ Chính trị và Quân uỷ Trung ương quyết định phát động chiến tranh nhân dân, kiên quyết phản công và tiến công địch một cách chủ động, liên tục bằng mọi lực lượng. Ngày 2/12/1978, Mặt trận Đoàn kết dân tộc cứu nước Campuchia ra đời.

Ngày 23/12/1978, trước sự tiến công quy mô lớn của tập đoàn Pol Pot – Ieng Sary, quân và dân ta đã tổ chức tổng phản công trên toàn tuyến biên giới, giáng trả kẻ thù những đòn thích đáng, đẩy chúng ra khỏi lãnh thổ của Tổ quốc. Đồng thời, thực hiện lời kêu gọi của Mặt trận Đoàn kết dân tộc cứu nước Campuchia, quân tình nguyện Việt Nam cùng với lực lượng cách mạng Campuchia đã tiến công, xoá bỏ chế độ diệt chủng Pol Pot. Ngày 7/1/1979, Thủ đô Phnom Penh được hoàn toàn giải phóng.

Sau khi được giải phóng, thực hiện cam kết của hai nước, Quân đội và Nhân dân Việt Nam tiếp tục sát cánh cùng các lực lượng yêu nước và Nhân dân Campuchia chiến đấu ngăn chặn sự quay trở lại của chế độ diệt chủng, mang lại sự hồi sinh cho đất nước Campuchia.



Hình 1.1. Tập đoàn Pol Pot – Ieng Sary tiến sâu vào lãnh thổ nước ta, tàn phá các bản làng, trường học ở tỉnh An Giang, ngày 30/4/1977



Hình 1.2. Tượng đài Hữu nghị Việt Nam – Campuchia tại tỉnh Svay Rieng, Campuchia

Em có biết?

Sau khi lên nắm chính quyền vào tháng 4/1975, tập đoàn Pol Pot – Ieng Sary đã gây xung đột biên giới, đánh chiếm một số đảo và gây nhiều tội ác với Nhân dân ta. Điển hình, ngày 3/5/1975, tập đoàn Pol Pot – Ieng Sary đánh chiếm đảo Phú Quốc; ngày 10/5/1975, chúng tiếp tục đánh chiếm đảo Thổ Chu, bắt và giết hơn 500 đồng bào ta. Đêm 30/4/1977, chúng bất ngờ mở cuộc tiến công trên toàn tuyến biên giới tỉnh An Giang, giết hại dã man 578 đồng bào ta, cướp phá nhiều hoa màu, tài sản.

(Theo *Lịch sử Quân sự Việt Nam, Tập 13, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật*)

Em hãy nêu những tội ác mà tập đoàn Pol Pot – Ieng Sary đã gây ra cho Nhân dân ta và Nhân dân Campuchia.

2. Giá trị lịch sử

Đảng ta đã đề ra chủ trương, đường lối, mục tiêu chính trị đúng đắn, sáng tạo – đây là nhân tố có ý nghĩa quyết định để quân và dân ta thực hiện thắng lợi cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam của Tổ quốc.

Cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam của Tổ quốc là hành động tự vệ chính đáng và chính nghĩa của Nhân dân Việt Nam chống lại cuộc chiến tranh xâm lược do tập đoàn Pol Pot – Ieng Sary gây ra; góp phần bảo vệ hoà bình trong khu vực và trên thế giới.

Thắng lợi của cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam của Tổ quốc tiếp tục khẳng định ý chí tự lực, tự cường và tinh thần đoàn kết của Nhân dân Việt Nam. Đây là cội nguồn sức mạnh để quân và dân ta đập tan mọi âm mưu và hành động chống phá của các thế lực phản động, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

Chiến thắng trong cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam của Tổ quốc đã đập tan chế độ phân biệt chủng tộc, độc tài, phản động, hiếu chiến; giúp Nhân dân Campuchia thoát khỏi hoạ diệt chủng. Đồng thời, thể hiện tinh thần đoàn kết quốc tế vô tư, trong sáng, thuỷ chung của Nhân dân Việt Nam; mở ra thời kì mới trong quan hệ hữu nghị, hợp tác giữa Nhân dân hai nước.

Tại sao nói cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam của Tổ quốc thể hiện tinh thần đoàn kết quốc tế vô tư, trong sáng, thuỷ chung của Nhân dân Việt Nam với Nhân dân Campuchia?

3. Một số nét chính về nghệ thuật quân sự

Bộ Chính trị, Quân uỷ Trung ương từng bước đánh giá đúng bản chất, âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù; nhận thức đúng về mối quan hệ giữa xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; chủ động xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân ở biên giới Tây Nam; không để đất nước bị động, bất ngờ, kịp thời xử lí thắng lợi các tình huống.

Quân và dân ta đã vận dụng sáng tạo nghệ thuật toàn dân đánh giặc, lấy lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt; kết hợp chặt chẽ giữa phòng ngự, phản công, tiến công ở các quy mô đánh nhỏ, đánh vừa, đánh lớn; giành thắng lợi từng bước, tiến tới giành thắng lợi hoàn toàn.

Trong cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam của Tổ quốc, ta đã kết hợp chặt chẽ lực lượng tại chỗ và lực lượng của các binh đoàn chủ lực. Đồng thời, khẳng định nghệ thuật liên minh chiến đấu giữa quân tình nguyện Việt Nam với lực lượng cách mạng Campuchia trong phối hợp tác chiến chống kẻ thù chung.

Quân uỷ Trung ương, Bộ Quốc phòng đã nắm chắc thời cơ, hạ quyết tâm tổng phản công – tiến công chiến lược kịp thời, chính xác; tập trung lực lượng, tạo sức mạnh áp đảo kẻ thù; kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh quân sự, chính trị, địch vận và ngoại giao để giành thắng lợi trong thời gian ngắn.

Trong cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam của Tổ quốc, ta đã kết hợp chặt chẽ các lực lượng nào để chiến thắng kẻ thù?

II. CHIẾN ĐẤU BẢO VỆ BIÊN GIỚI PHÍA BẮC CỦA TỔ QUỐC

1. Bối cảnh và những nét chính của cuộc chiến đấu

Việt Nam và Trung Quốc là hai nước láng giềng gần gũi và có mối quan hệ truyền thống hữu nghị, hợp tác lâu đời. Đảng, Nhà nước và Nhân dân Việt Nam luôn biết ơn sự giúp đỡ quý báu của Chính phủ và Nhân dân Trung Quốc trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ.

Tuy nhiên, từ năm 1975 đến năm 1978, chính quyền Trung Quốc tăng cường các hoạt động quân sự, khiêu khích vũ trang, xâm lấn đất đai vùng biên giới phía Bắc Việt Nam. Ngày 17/2/1979, chính quyền Trung Quốc huy động lực lượng lớn tiến công sang lãnh thổ Việt Nam; phối hợp bộ binh, xe tăng, xe bọc thép và pháo binh đánh chiếm một số thị xã, tàn phá cơ sở hạ tầng, bệnh viện, trường học,... gây nhiều tổn thất về người và tài sản ở một số khu vực các tỉnh dọc biên giới phía Bắc nước ta, từ Quảng Ninh đến Lai Châu.

Thực hiện quyền tự vệ chính đáng, toàn thể Nhân dân ta, trực tiếp là quân và dân các tỉnh biên giới phía Bắc đã chủ động chuẩn bị thế trận, kiên cường chiến đấu ngăn chặn địch, không cho chúng tiến sâu vào nội địa. Ngày 5/3/1979, Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ra lệnh Tổng động viên trong cả nước đứng lên chống quân xâm lược, bảo vệ Tổ quốc.

Trước những đòn giáng trả quyết liệt của quân và dân ta, sự lên án mạnh mẽ của dư luận tiến bộ trên thế giới và ngay trong chính nước họ, ngày 5/3/1979, chính quyền Trung Quốc buộc phải tuyên bố rút quân khỏi lãnh thổ Việt Nam. Về phía ta, lực lượng vũ trang và Nhân dân vùng biên giới phía Bắc đã ngừng mọi hoạt động tiến công quân sự để đối phương rút toàn bộ lực lượng về nước. Đến ngày 18/3/1979, về cơ bản Trung Quốc đã rút quân khỏi nước ta.



Hình 1.3. Nhà cửa của đồng bào bản Hạ, xã Phương Độ, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Tuyên (nay là phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang) bị đạn pháo tàn phá, năm 1979



Hình 1.4. Đại đội 3, Tiểu đoàn 1, Đoàn H54 bộ đội địa phương tỉnh Hoàng Liên Sơn (nay là tỉnh Lào Cai và một phần tỉnh Lai Châu) dũng cảm chiến đấu giữ chốt, ngăn chặn địch, ngày 17/2/1979

Tóm tắt một số nét chính về cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc của Tổ quốc.

2. Giá trị lịch sử

Bộ Chính trị, Quân uỷ Trung ương đã thường xuyên nghiên cứu, nắm chắc tình hình đối phương; kịp thời lãnh đạo, chỉ đạo lực lượng vũ trang và Nhân dân tiến hành chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc của Tổ quốc.

Quân và dân ta đã thực hiện quyền tự vệ chính đáng, chính nghĩa và thể hiện rõ truyền thống nhân đạo, khát vọng hoà bình. Sau cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc của Tổ quốc, Đảng và Nhà nước ta đã không ngừng hàn gắn, xây dựng, củng cố mối quan hệ hữu nghị truyền thống Việt Nam – Trung Quốc.

Cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc của Tổ quốc biểu hiện sinh động cho ý chí, sức mạnh bền bỉ của Nhân dân Việt Nam, quyết tâm vượt qua mọi khó khăn, thử thách để bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

Chiến thắng trong cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc của Tổ quốc đã viết tiếp trang sử vẻ vang trong sự nghiệp chống giặc ngoại xâm của dân tộc, đồng thời để lại nhiều kinh nghiệm quý báu trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Tại sao nói chiến thắng trong cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc của Tổ quốc là biểu hiện sinh động cho ý chí và sức mạnh bền bỉ của Nhân dân Việt Nam?

3. Một số nét chính về nghệ thuật quân sự

Bộ Chính trị, Quân uỷ Trung ương đã đánh giá đúng âm mưu, thủ đoạn, khả năng của đối phương; chủ động chuẩn bị chiến trường; xây dựng thế trận phòng thủ vững chắc và làm tốt công tác bảo đảm cho chiến đấu.

Phát huy sức mạnh tổng hợp toàn dân, toàn diện, cả nước thành một mặt trận hướng ra tiền tuyến; đánh giặc bất cứ nơi nào, ngay từ đầu, trên tuyến đầu của Tổ quốc.

Quán triệt tư tưởng "lấy nhỏ đánh lớn, lấy ít địch nhiều"; kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh quân sự, chính trị, ngoại giao; sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; tranh thủ sự ủng hộ, giúp đỡ của cộng đồng quốc tế.

Thực hiện phòng ngự kiên cường, phản công, tiến công linh hoạt bằng nhiều hình thức chiến thuật, thủ đoạn chiến đấu; kết hợp đánh tiêu hao, tiêu diệt với ngăn chặn, bẻ gãy các đợt tiến công của địch.

Em hãy cho biết trong cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc của Tổ quốc, quân và dân ta đã kết hợp chặt chẽ các mặt đấu tranh nào để giành thắng lợi.

III. ĐẤU TRANH BẢO VỆ CHỦ QUYỀN BIỂN, ĐẢO VIỆT NAM SAU NĂM 1975

1. Khái lược về quá trình đấu tranh

Việt Nam có bờ biển dài hơn 3 260 km, vùng biển rộng lớn với hơn 3 000 đảo, trong đó có quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa. Nước ta có đầy đủ cơ sở pháp lí và bằng chứng lịch sử để chứng minh và khẳng định Việt Nam là Nhà nước đầu tiên

xác lập, thực thi chủ quyền lâu đời, liên tục đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.

Tuy nhiên, trên Biển Đông diễn ra tranh chấp phức tạp về chủ quyền biển, đảo. Năm 1956, chính quyền Trung Quốc chiếm đóng trái phép nhóm đảo phía Đông quần đảo Hoàng Sa; năm 1974, họ tiếp tục sử dụng vũ lực đánh chiếm nhóm đảo phía Tây quần đảo này. Đối với quần đảo Trường Sa, có 5 nước 6 bên tuyên bố chủ quyền toàn bộ hoặc một phần quần đảo này, bao gồm: Việt Nam, Trung Quốc, Philippines, Malaysia, Brunei và Đài Loan (Trung Quốc). Đặc biệt, năm 1988, chính quyền Trung Quốc đã sử dụng vũ lực chiếm đóng trái phép các bãi đá: Chữ Thập, Châu Viên, Ga Ven, Tư Nghĩa, Gạc Ma, Xu Bi thuộc quần đảo Trường Sa của Việt Nam.

Trong đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển, đảo, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta luôn chung sức, đồng lòng, phát huy cao độ sức mạnh tổng hợp, quyết tâm bảo vệ vững chắc chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán quốc gia, đồng thời giữ vững môi trường hoà bình, ổn định để phát triển đất nước. Việt Nam nhất quán giải quyết các tranh chấp, bất đồng trên biển bằng biện pháp hoà bình trên cơ sở luật pháp quốc tế. Ta tích cực kêu gọi các nước có liên quan thực hiện đầy đủ, có hiệu quả Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC), tiến tới xây dựng Bộ Quy tắc ứng xử ở Biển Đông (COC) giữa Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) và Trung Quốc một cách thiết thực, hiệu quả, phù hợp với luật pháp quốc tế, trong đó có Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982.

Em hãy kể tên những quốc gia, vùng lãnh thổ có tuyên bố chủ quyền toàn bộ hoặc một phần quần đảo Trường Sa.

2. Giá trị lịch sử

Thể hiện quan điểm nhất quán của Đảng và Nhà nước ta là kiên quyết, kiên trì bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và lợi ích quốc gia – dân tộc trên biển, trên không và trên bộ; duy trì môi trường hoà bình, ổn định, thúc đẩy quan hệ với các nước.

Khẳng định chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán của quốc gia Việt Nam trên các vùng biển, đảo của Tổ quốc phù hợp với Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982, trong đó có chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.

Đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển, đảo còn thể hiện khát vọng hoà bình, tôn trọng luật pháp quốc tế của dân tộc Việt Nam; đồng thời, viết tiếp trang sử hào hùng của dân tộc ta trong thời đại Hồ Chí Minh.

Quan điểm nhất quán của Đảng và Nhà nước ta trong đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển, đảo là gì?

3. Một số nét chính về nghệ thuật đấu tranh

Đảng và Nhà nước ta đã chủ động dự báo, nắm chắc tình hình để có đối sách bảo vệ chủ quyền biển, đảo phù hợp. Trong mọi hoàn cảnh, ta thực hiện kiên quyết, kiên trì mục tiêu bảo vệ chủ quyền biển, đảo nhưng vận dụng linh hoạt, sáng tạo cách thức, phương pháp đấu tranh.

Kết hợp chặt chẽ các mặt đấu tranh chính trị, kinh tế, ngoại giao, pháp lí, quân sự; kiên định giải quyết bất đồng, tranh chấp bằng biện pháp hoà bình trên cơ sở luật pháp quốc tế, trong đó có Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982.

Huy động sức mạnh tổng hợp của lực lượng và thế trận quốc phòng toàn dân với lực lượng và thế trận an ninh nhân dân trên biển, đảo; trong đó, nòng cốt là lực lượng Hải quân nhân dân Việt Nam. Kết hợp phát triển kinh tế biển với bảo đảm quốc phòng, an ninh; tạo điều kiện thuận lợi cho phòng thủ, bảo vệ, kiểm soát và làm chủ vùng biển.



Hình 1.5. Ngư dân vươn khơi bám biển, góp phần bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc



Hình 1.6. Cán bộ, chiến sĩ Vùng 5 Hải quân huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ đảo

Tại sao trong đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển, đảo, ta phải huy động sức mạnh tổng hợp của các lực lượng?

IV. TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG DÂN, HỌC SINH ĐỐI VỚI SỰ NGHIỆP CỦNG CỐ QUỐC PHÒNG, AN NINH VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

1. Trách nhiệm của công dân

Tích cực, chủ động tìm hiểu, nhận thức đúng đắn, đầy đủ đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước nói chung; nghĩa vụ, trách nhiệm của công dân đối với sự nghiệp củng cố quốc phòng, an ninh và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa nói riêng.

Tự giác thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân, Dân quân tự vệ; tuyên truyền, phổ biến đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong cộng đồng dân cư, nơi sinh hoạt, học tập, công tác.

Nhiệt tình tham gia và vận động mọi người tham gia các hoạt động chăm sóc, giúp đỡ thương binh, bệnh binh, gia đình liệt sĩ; phụng dưỡng Bà mẹ Việt Nam anh hùng,... Thăm viếng, thắp hương tri ân liệt sĩ, người có công với đất nước tại các nghĩa trang, đền thờ, công trình di tích lịch sử.

Nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng; tích cực đấu tranh phản bác các thông tin xấu độc, âm mưu, thủ đoạn chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc Việt Nam, cũng như các luận điệu xuyên tạc lịch sử trong cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam, cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc và đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc.

2. Trách nhiệm của học sinh

Tích cực học tập các nội dung trong chương trình môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh cấp Trung học phổ thông để nâng cao nhận thức về quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc và vận dụng các kiến thức, kĩ năng đã học vào hoạt động thực tiễn.

Chủ động nghiên cứu, tìm hiểu giá trị lịch sử, nghệ thuật quân sự cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam, cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc và đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc. Đấu tranh phản bác các luận điệu xuyên tạc lịch sử, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc của các thế lực phản động, thù địch.

Thực hiện trách nhiệm của công dân đối với sự nghiệp củng cố quốc phòng, an ninh và bảo vệ Tổ quốc phù hợp với lứa tuổi; sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân, Dân quân tự vệ.

LUYỆN TẬP

1. Nêu giá trị lịch sử của cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam, cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc và đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc.
2. Nghệ thuật quân sự Việt Nam trong cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam, cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc và đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc được thể hiện ở những nội dung cơ bản nào?
3. Công dân cần có những trách nhiệm gì đối với sự nghiệp củng cố quốc phòng, an ninh và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn cách mạng hiện nay?

VẬN DỤNG

1. Em hãy sưu tầm tư liệu về cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam, cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc, đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc và chia sẻ với các bạn về một trong các chủ đề sau:
   - Những mất mát, đau thương của Nhân dân ta;
   - Các tấm gương chiến đấu dũng cảm, hi sinh của quân và dân ta;
   - Các công trình tưởng niệm anh hùng, liệt sĩ và đồng bào ta đã ngã xuống.
2. Em hãy viết một bức thư khoảng 250 từ gửi cán bộ, chiến sĩ Hải quân đang làm nhiệm vụ canh giữ vùng biển, đảo của Tổ quốc để bày tỏ tình cảm và lòng biết ơn của mình.

Bài

2

TỔ CHỨC QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM VÀ CÔNG AN NHÂN DÂN VIỆT NAM

Yêu cầu cần đạt đối với học sinh:

* Nêu được chức năng, nhiệm vụ của một số tổ chức trong Quân đội và Công an nhân dân Việt Nam;
* Nhận biết được cấp bậc quân hàm, quân hiệu, phù hiệu, trang phục các quân, binh chủng của Quân đội nhân dân Việt Nam và các lực lượng chuyên môn của Công an nhân dân Việt Nam.

MỞ ĐẦU

Hình 2.1 thể hiện những thông tin gì của lực lượng Quân đội nhân dân Việt Nam và Công an nhân dân Việt Nam?



Hình 2.1

KHÁM PHÁ

I. QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM

1. Một số tổ chức trong Quân đội nhân dân Việt Nam

Một số tổ chức trong Quân đội nhân dân Việt Nam:

- Bộ Quốc phòng.
- Các cơ quan Bộ Quốc phòng: Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị,...
- Các quân khu: Quân khu 1, 2, 3, 4, 5, 7, 9. Quân khu có Bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh, Ban chỉ huy quân sự cấp xã và các đơn vị khác.
- Các đơn vị: Quân đoàn, quân chủng, binh chủng, Bộ Tư lệnh,... Ở từng đơn vị có sư đoàn, trung đoàn, tiểu đoàn, đại đội, trung đội, tiểu đội và các cấp tương đương.
- Các cơ quan nghiên cứu, học viện nhà trường, cơ quan tư pháp quân đội; các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, bệnh viện, đoàn kinh tế – quốc phòng và tổ chức khác thuộc Bộ Quốc phòng.

2. Chức năng, nhiệm vụ chính của một số tổ chức trong Quân đội nhân dân Việt Nam

a) Bộ Quốc phòng

Tham mưu với Đảng và Nhà nước về đường lối, nhiệm vụ quân sự, quốc phòng bảo vệ Tổ quốc; quản lí nhà nước về lĩnh vực quân sự, quốc phòng trong phạm vi cả nước; tổ chức thực hiện việc xây dựng, quản lí, chỉ huy Quân đội nhân dân, Dân quân tự vệ.

b) Bộ Tổng Tham mưu và Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam

Bộ Tổng Tham mưu: Chỉ huy, điều hành, xây dựng phát triển lực lượng và huấn luyện sẵn sàng chiến đấu, chiến đấu của Quân đội nhân dân và Dân quân tự vệ.

Tổng cục Chính trị: Đảm nhiệm công tác Đảng, công tác chính trị trong toàn quân.

c) Quân khu, quân đoàn

Quân khu: Chỉ đạo công tác quốc phòng và xây dựng tiềm lực quân sự trong thời bình; chỉ đạo, chỉ huy lực lượng vũ trang thuộc quyền trong thời chiến để bảo vệ lãnh thổ quân khu.

Quân đoàn: Đơn vị cơ động lớn nhất của Lục quân, có nhiệm vụ bảo vệ các địa bàn chiến lược trọng yếu của quốc gia.

Em có biết?

Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh, Bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh, Ban chỉ huy quân sự cấp xã là cơ quan quân sự địa phương.

Bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh: Tham mưu cho cấp uỷ Đảng, chính quyền địa phương và cơ quan quân sự cấp trên về công tác quân sự, quốc phòng; đồng thời quản lí, tổ chức xây dựng, chỉ huy lực lượng vũ trang địa phương vững mạnh, sẵn sàng chiến đấu, chiến đấu và thực hiện nhiệm vụ bảo vệ địa bàn cấp tỉnh.

Ban chỉ huy quân sự cấp xã: Tham mưu cho cấp uỷ Đảng, chính quyền cấp xã lãnh đạo, chỉ đạo, quản lí, điều hành thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, quân sự trên địa bàn cấp xã.

Em hãy chia sẻ hiểu biết của mình về chức năng, nhiệm vụ chính của quân khu, quân đoàn.

3. Quân hiệu, cấp bậc quân hàm, cấp hiệu, phù hiệu và trang phục Quân đội nhân dân Việt Nam

a) Quân hiệu

– Quân hiệu của Quân đội nhân dân Việt Nam là biểu tượng của Quân đội nhân dân Việt Nam.

– Quân hiệu của Quân đội nhân dân Việt Nam có dạng hình tròn, nền màu đỏ tươi, vành khăn ngoài màu vàng, ở giữa có ngôi sao năm cánh nổi màu vàng, xung quanh có hai bông lúa màu vàng, phía dưới hai bông lúa là hình nửa bánh xe răng lịch sử màu vàng (Hình 2.2a).

– Quân hiệu có ba loại kích thước: Đường kính 41 mm, đường kính 36 mm, đường kính 33 mm. Quân hiệu có đường kính 41 mm và 36 mm dập liền với cành tùng kép màu vàng (Hình 2.2b).



33 mm

a



36 mm

b

Hình 2.2. Quân hiệu Quân đội nhân dân Việt Nam

b) Cấp bậc quân hàm, cấp hiệu

– Cấp bậc quân hàm

+ Cấp bậc quân hàm của sĩ quan gồm ba cấp, mười hai bậc:

Cấp tướng có bốn bậc: Thiếu tướng, Chuẩn Đô đốc Hải quân; Trung tướng, Phó Đô đốc Hải quân; Thượng tướng, Đô đốc Hải quân; Đại tướng.

Cấp tá có bốn bậc: Thiếu tá, Trung tá, Thượng tá, Đại tá.

Cấp uý có bốn bậc: Thiếu uý, Trung uý, Thượng uý, Đại uý.

+ Cấp bậc quân hàm của hạ sĩ quan có ba bậc: Hạ sĩ, Trung sĩ, Thượng sĩ.

+ Cấp bậc quân hàm của binh sĩ có hai bậc: Binh nhì, Binh nhất.

– Cấp hiệu

Cấp hiệu của Quân đội nhân dân Việt Nam là biểu trưng thể hiện cấp bậc trong ngạch quân sự của sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, học viên, hạ sĩ quan, binh sĩ trong Quân đội nhân dân Việt Nam.

+ Cấp hiệu của Lục quân:

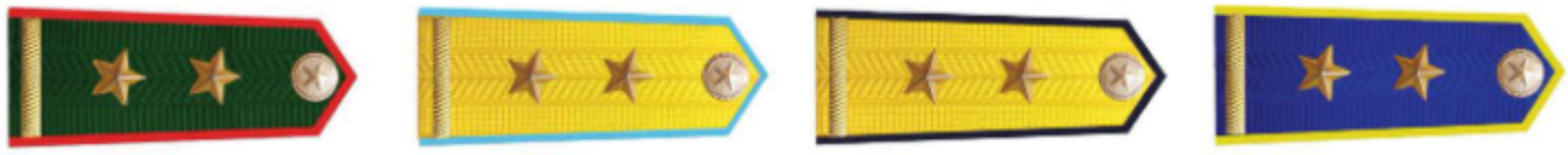
Đối với sĩ quan: Nền cấp hiệu màu vàng, viền cấp hiệu màu đỏ tươi. Nền cấp hiệu của sĩ quan cấp tướng có in chìm hoa văn mặt trống đồng, tâm mặt trống đồng ở vị trí gắn cúc cấp hiệu.

Đối với hạ sĩ quan, binh sĩ: Nền cấp hiệu màu be, viền cấp hiệu màu đỏ tươi.

Sĩ quan	Cấp tướng	 Thiếu tướng	 Trung tướng	 Thượng tướng	 Đại tướng
	Cấp tá	 Thiếu tá	 Trung tá	 Thượng tá	 Đại tá
	Cấp uý	 Thiếu uý	 Trung uý	 Thượng uý	 Đại uý
Hạ sĩ quan		 Hạ sĩ	 Trung sĩ	 Thượng sĩ	
Binh sĩ		 Binh nhì	 Binh nhất		

Hình 2.3. Cấp bậc quân hàm, cấp hiệu của sĩ quan, hạ sĩ quan, binh sĩ Lục quân

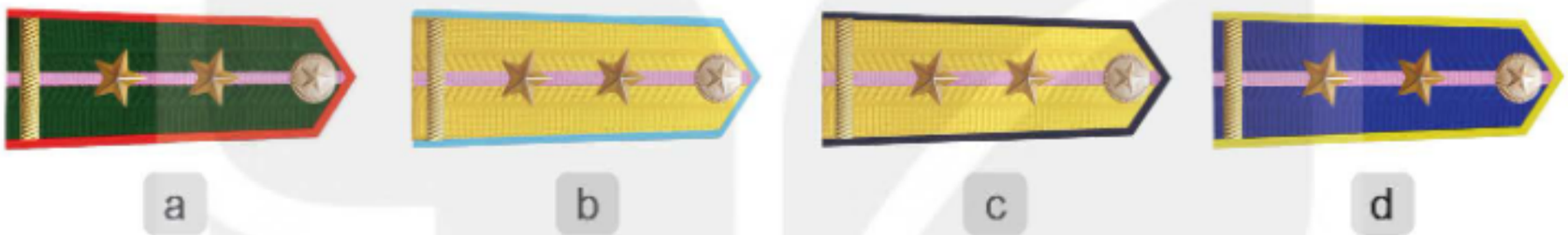
+ Cấp hiệu của Bộ đội Biên phòng: tương tự như Lục quân, chỉ khác nền cấp hiệu màu xanh lá cây (Hình 2.4a)
+ Cấp hiệu của quân chủng Phòng không – Không quân: tương tự như Lục quân, chỉ khác viền cấp hiệu màu xanh hoà bình (Hình 2.4b).
+ Cấp hiệu của quân chủng Hải quân: tương tự như Lục quân, chỉ khác viền cấp hiệu màu tím than (Hình 2.4c).
+ Cấp hiệu của Cảnh sát biển Việt Nam: nền màu xanh dương, viền màu vàng (Hình 2.4d).



a b c d

Hình 2.4

+ Cấp hiệu của quân nhân chuyên nghiệp: tương tự như cấp hiệu của sĩ quan, chỉ khác trên nền cấp hiệu có một đường màu hồng ở chính giữa theo chiều dọc (Hình 2.5).



a b c d

Hình 2.5

Nêu cách nhận biết cấp bậc quân hàm của sĩ quan, hạ sĩ quan, binh sĩ trong Quân đội nhân dân Việt Nam dựa vào cấp hiệu.

c) Phù hiệu

Phù hiệu của Quân đội nhân dân Việt Nam bao gồm: Nền phù hiệu, hình phù hiệu, cành tùng; biểu tượng quân chủng, binh chủng; biển tên; logo.



a Binh chủng hợp thành – Bộ binh

b Phòng không – Không quân

c Hải quân

d Biên phòng

e Cảnh sát biển Việt Nam



g Pháo binh

h Công binh

i Thông tin

k Hoá học

l Đặc công

m Tăng – Thiết giáp

Hình 2.6. Phù hiệu gắn trên ve cổ áo khi mang cấp hiệu trên vai một số quân, binh chủng Quân đội nhân dân Việt Nam

- *Nêu cách nhận biết một số quân, binh chủng trong Quân đội nhân dân Việt Nam dựa vào phù hiệu ở hình 2.6.*
- *Hãy tìm hiểu về phù hiệu của các lực lượng khác trong Quân đội nhân dân Việt Nam.*

d) Trang phục

Trang phục của Quân đội nhân dân Việt Nam thể hiện tính thống nhất và nhiệm vụ của từng quân, binh chủng trong Quân đội nhân dân Việt Nam.



a Lục quân

b Phòng không – Không quân

c Hải quân

Hình 2.7. Một số trang phục thường dùng của sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp Quân đội nhân dân Việt Nam

Nêu cách nhận biết các quân, binh chủng trong Quân đội nhân dân Việt Nam dựa vào trang phục ở hình 2.7.

II. CÔNG AN NHÂN DÂN VIỆT NAM

1. Hệ thống tổ chức của Công an nhân dân Việt Nam

Hệ thống tổ chức của Công an nhân dân Việt Nam bao gồm:

- Bộ Công an;
- Công an cấp tỉnh;
- Công an cấp xã;
- Công an tại đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt.

Để đáp ứng yêu cầu bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, Bộ trưởng Bộ Công an quyết định thành lập đồn, trạm công an và đơn vị độc lập bố trí tại những địa bàn cần thiết.

2. Chức năng, nhiệm vụ chính của một số tổ chức trong Công an nhân dân Việt Nam

a) Bộ Công an

Tham mưu với Đảng, Nhà nước về bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng chống tội phạm; quản lí nhà nước về bảo vệ an ninh quốc gia,

bảo đảm trật tự, an toàn xã hội; trực tiếp đấu tranh phòng chống các loại tội phạm, vi phạm pháp luật về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.

b) Một số tổ chức trực thuộc Bộ Công an

Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao: Tham mưu, hướng dẫn và thực hiện quản lí nhà nước về an ninh mạng; thực hiện các biện pháp nghiệp vụ bảo vệ an ninh mạng và phòng, chống tội phạm mạng theo quy định của pháp luật.

Cục Cảnh sát hình sự: Tham mưu, hướng dẫn và thực hiện các biện pháp nghiệp vụ trong phòng ngừa, phát hiện, điều tra, xử lí các tội phạm về trật tự xã hội.

Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma tuý: Tham mưu, hướng dẫn và thực hiện các biện pháp nghiệp vụ để phòng ngừa, phát hiện, điều tra, xử lí các loại tội phạm về ma tuý.

Cục Cảnh sát quản lí hành chính về trật tự xã hội: Tham mưu, hướng dẫn và thực hiện quản lí hành chính về trật tự xã hội; thực hiện các biện pháp nghiệp vụ để phục vụ công tác phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật theo quy định của pháp luật.

Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ: Tham mưu, hướng dẫn và thực hiện quản lí nhà nước về phòng cháy, chữa cháy; thực hiện các biện pháp nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ theo quy định.

Cục Cảnh sát giao thông: Tham mưu, hướng dẫn và tổ chức thực hiện bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ, đường sắt và đường thuỷ nội địa; phòng ngừa, đấu tranh với các loại tội phạm và vi phạm trật tự, an toàn xã hội trên các tuyến giao thông theo quy định.

Bộ Tư lệnh Cảnh vệ: Tham mưu và thực hiện công tác cảnh vệ để bảo đảm an toàn tuyệt đối cho cán bộ lãnh đạo cấp cao của Đảng và Nhà nước, khách quốc tế đến thăm và làm việc tại Việt Nam, các khu vực trọng yếu và các sự kiện đặc biệt quan trọng.

Bộ Tư lệnh Cảnh sát cơ động: Tham mưu và thực hiện biện pháp vũ trang bảo vệ an ninh, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.

c) Công an cấp tỉnh và cấp xã

Công an cấp tỉnh: Tham mưu với cơ quan công an cấp trên, cấp uỷ, Uỷ ban nhân dân và quản lí nhà nước về bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội trên địa bàn; trực tiếp đấu tranh phòng, chống âm mưu, hoạt động của các thế lực thù địch, các loại tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.

Công an cấp xã: Thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng chống tội phạm và hành vi vi phạm pháp luật; làm nòng cốt trong xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc ở địa bàn cấp xã.

Em hãy nêu chức năng, nhiệm vụ chính của công an cấp tỉnh và cấp xã.

3. Công an hiệu, cấp bậc hàm, cấp hiệu, phù hiệu và trang phục Công an nhân dân Việt Nam

a) Công an hiệu

- Công an hiệu của Công an nhân dân Việt Nam là biểu tượng của Công an nhân dân Việt Nam.
- Công an hiệu có dạng hình tròn, đường kính 36 mm, ở giữa có ngôi sao năm cánh màu vàng nổi trên nền đỏ tươi, vành khăn trong và ngoài màu vàng, giữa hai vành khăn ở hai bên có hai bông lúa màu vàng nổi trên nền xanh lục thẫm, phía dưới ngôi sao có hình nửa bánh xe, giữa nửa bánh xe có chữ lồng "CA", bánh xe và chữ "CA" màu vàng, bên ngoài Công an hiệu được dập liền với cành tùng kép màu vàng (Hình 2.8).



Hình 2.8. Công an hiệu Công an nhân dân Việt Nam

b) Cấp bậc hàm, cấp hiệu

– Cấp bậc hàm

+ Cấp bậc hàm của sĩ quan nghiệp vụ có ba cấp, mười hai bậc.

Cấp tướng có bốn bậc: Thiếu tướng, Trung tướng, Thượng tướng, Đại tướng;

Cấp tá có bốn bậc: Thiếu tá, Trung tá, Thượng tá, Đại tá;

Cấp uý có bốn bậc: Thiếu uý, Trung uý, Thượng uý, Đại uý.

+ Cấp bậc hàm của sĩ quan chuyên môn kĩ thuật có hai cấp, bảy bậc.

Cấp tá có ba bậc: Thiếu tá, Trung tá, Thượng tá;

Cấp uý có bốn bậc: Thiếu uý, Trung uý, Thượng uý, Đại uý.

+ Cấp bậc hàm của hạ sĩ quan nghiệp vụ, chuyên môn kĩ thuật và nghĩa vụ có ba bậc: Hạ sĩ, Trung sĩ, Thượng sĩ;

+ Cấp bậc hàm của chiến sĩ nghĩa vụ có hai bậc: Binh nhì, Binh nhất.

– Cấp hiệu

Cấp hiệu của Công an nhân dân Việt Nam là biểu trưng thể hiện cấp bậc hàm trong công an của sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ Công an nhân dân Việt Nam.

+ Cấp hiệu của sĩ quan

Đối với cấp tướng: nền cấp hiệu màu đỏ, viền màu vàng, giữa nền cấp hiệu có dệt hoa văn nổi hình cành tùng chạy dọc theo nền cấp hiệu.

Đối với cấp tá, cấp uý: nền cấp hiệu màu đỏ, viền màu xanh, giữa nền cấp hiệu có vạch rộng 6 mm chạy dọc theo nền cấp hiệu; vạch của sĩ quan nghiệp vụ màu vàng, sĩ quan chuyên môn kĩ thuật màu xanh thẫm.

+ Cấp hiệu của hạ sĩ quan, chiến sĩ

Nền cấp hiệu màu đỏ, viền màu xanh; cuối nền cấp hiệu có vạch bằng vải rộng 6 mm. Hạ sĩ quan nghiệp vụ và hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ vạch màu vàng; hạ sĩ quan chuyên môn kĩ thuật vạch màu xanh thẫm.

Sĩ quan nghiệp vụ	Cấp tướng	 Thiếu tướng	 Trung tướng	 Thượng tướng	 Đại tướng
	Cấp tá	 Thiếu tá	 Trung tá	 Thượng tá	 Đại tá
	Cấp uý	 Thiếu uý	 Trung uý	 Thượng uý	 Đại uý
Sĩ quan chuyên môn kĩ thuật	Cấp tá	 Thiếu tá	 Trung tá	 Thượng tá	
	Cấp uý	 Thiếu uý	 Trung uý	 Thượng uý	 Đại uý
Hạ sĩ quan nghiệp vụ		 Hạ sĩ	 Trung sĩ	 Thượng sĩ	
Hạ sĩ quan chuyên môn kĩ thuật		 Hạ sĩ	 Trung sĩ	 Thượng sĩ	
Hạ sĩ quan nghĩa vụ		 Hạ sĩ	 Trung sĩ	 Thượng sĩ	
Chiến sĩ nghĩa vụ		 Binh nhì	 Binh nhất		

Hình 2.9. Cấp bậc hàm, cấp hiệu của sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ Công an nhân dân Việt Nam

Nêu cách nhận biết cấp bậc hàm của sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ Công an nhân dân Việt Nam dựa vào cấp hiệu.

c) Phù hiệu

Khi mặc trang phục thường dùng và mang cấp hiệu trên vai áo, sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ, học viên Công an nhân dân phải đeo phù hiệu màu đỏ ở cổ áo, giữa nền phù hiệu gắn công an hiệu đường kính 18 mm (Hình 2.10a). Riêng cấp tướng, phù hiệu có viền ba cạnh màu vàng (Hình 2.10b).



a

Đối với sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ và học viên



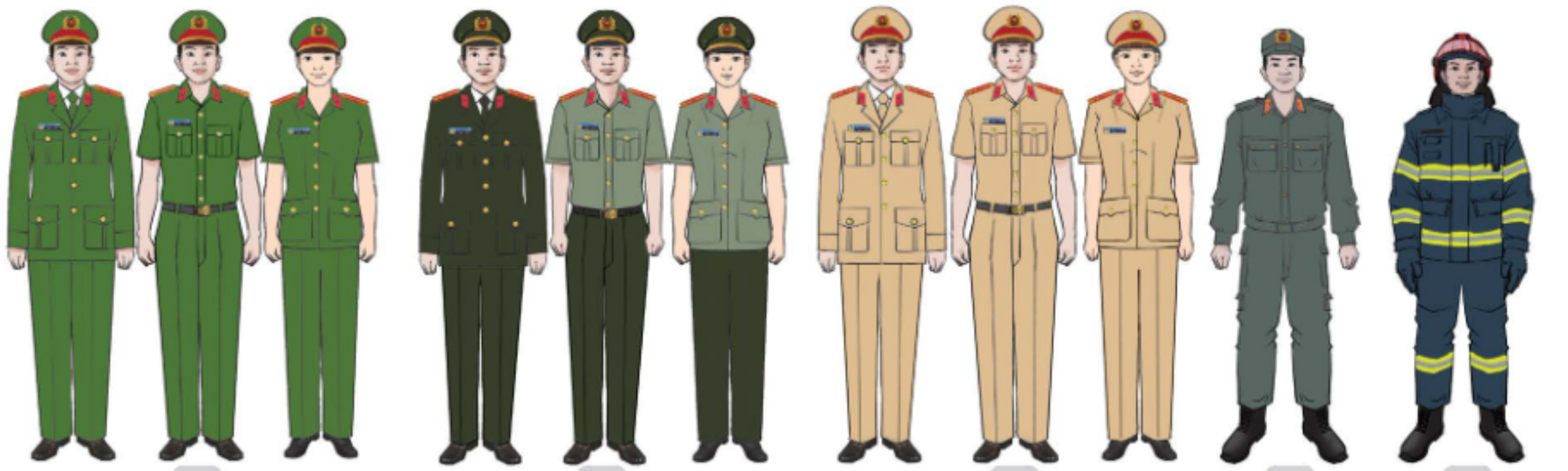
b

Đối với cấp tướng

Hình 2.10. Phù hiệu của sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ và học viên Công an nhân dân khi mặc trang phục thường dùng và mang cấp hiệu trên vai áo

d) Trang phục

Trang phục của Công an nhân dân Việt Nam thể hiện tính thống nhất và đặc trưng hoạt động chuyên môn của mỗi lực lượng trong Công an nhân dân Việt Nam.



a Cảnh sát nhân dân

b An ninh nhân dân

c Cảnh sát giao thông

d Cảnh sát cơ động

e Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ

Hình 2.11. Một số trang phục của Công an nhân dân Việt Nam

Em hãy nêu cách nhận biết một số lực lượng chuyên môn của Công an nhân dân Việt Nam dựa vào trang phục ở hình 2.11.

LUYỆN TẬP

1. Hãy nêu tên một số tổ chức trong Quân đội nhân dân Việt Nam mà em biết.
2. Em hãy cho biết quân nhân trong mỗi trường hợp dưới đây có cấp bậc quân hàm gì và thuộc quân, binh chủng nào của Quân đội nhân dân Việt Nam. Giải thích.
   a) Quân nhân mặc trang phục màu olive sẫm; mang cấp hiệu có nền màu vàng, viền màu đỏ tươi; trên cấp hiệu có một gạch ngang và bốn sao.
   b) Quân nhân mặc trang phục màu olive sẫm; mang cấp hiệu có nền màu xanh lá cây, viền màu đỏ; trên cấp hiệu có hai gạch ngang và hai sao.
   c) Quân nhân mặc trang phục có áo sơ mi ngắn tay màu trắng, quần màu tím than; mang cấp hiệu có nền màu vàng, viền màu tím than; trên cấp hiệu có một gạch ngang và ba sao.
   d) Quân nhân mặc trang phục có áo sơ mi ngắn tay màu xanh hoà bình, quần màu xanh đậm; mang cấp hiệu có nền màu vàng, viền màu xanh hoà bình, ở giữa có đường dọc màu hồng; trên cấp hiệu có một gạch ngang và một sao.
3. So sánh cấp bậc hàm, cấp hiệu của sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ với sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên môn kĩ thuật trong Công an nhân dân Việt Nam.

VẬN DỤNG

Em hãy kể tên và nêu chức năng, nhiệm vụ một tổ chức trong Quân đội nhân dân hoặc Công an nhân dân trên địa bàn tỉnh, thành phố em sinh sống (hoặc em biết).

Bài

3

CÔNG TÁC TUYỂN SINH, ĐÀO TẠO TRONG CÁC TRƯỜNG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM VÀ CÔNG AN NHÂN DÂN VIỆT NAM

Yêu cầu cần đạt đối với học sinh:

* Nêu được hệ thống nhà trường trong quân đội, công an và tuyển sinh vào các trường quân đội, công an; định hướng được nghề nghiệp quân sự, công an;
* Tìm hiểu được các lĩnh vực nghề nghiệp theo nhóm ngành; định hướng học tập, nghiên cứu để theo học các ngành, nghề trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh.

MỞ ĐẦU

Em hãy quan sát và cho biết hình 3.1 thể hiện hoạt động gì. Thời gian nào trong năm thường diễn ra hoạt động đó?



Hình 3.1

KHÁM PHÁ

I. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CÔNG TÁC TUYỂN SINH, ĐÀO TẠO TRONG CÁC TRƯỜNG QUÂN ĐỘI, CÔNG AN NHÂN DÂN VIỆT NAM

Các trường Quân đội, Công an nhân dân Việt Nam thực hiện tuyển sinh, đào tạo theo quy chế, hướng dẫn chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo; theo hướng dẫn hằng năm về công tác tuyển sinh quân sự của Bộ Quốc phòng và công tác tuyển sinh Công an nhân dân của Bộ Công an.

Lựa chọn những công dân tự nguyện và có đủ tiêu chuẩn về chính trị, phẩm chất đạo đức, văn hoá, sức khoẻ và độ tuổi theo quy định vào đào tạo trong các trường quân đội, công an. Đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng quân đội, công an và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới.

Tổ chức tuyển sinh công khai, minh bạch, nghiêm cấm mọi hành vi sách nhiễu, gây phiền hà cho người dự tuyển. Tuyển sinh đủ số lượng, đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực gắn với phát hiện nhân tài và quy hoạch đội ngũ cán bộ; đào tạo gắn với địa chỉ và nhu cầu sử dụng, bảo đảm cơ cấu vùng, miền, ngành nghề phù hợp với trình độ đào tạo; chú trọng diện cử tuyển các đối tượng chính sách, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế – xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Nhà nước.

Quyền lợi của học viên trong các trường quân đội, công an: Thí sinh trúng tuyển vào các trường quân đội, công an được bảo đảm các chế độ, tiêu chuẩn về ăn, ở, mặc, phụ cấp hằng tháng, không phải đóng học phí; các điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng phục vụ học tập. Thân nhân của học viên (bố mẹ đẻ, bố

mẹ nuôi hợp pháp) nếu chưa có bảo hiểm y tế sẽ được Nhà nước bảo đảm. Học viên được nghỉ cuối tuần, nghỉ lễ, nghỉ hè, nghỉ Tết theo quy định,... Học viên xếp loại học tập xuất sắc, giỏi, có thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện sẽ được hưởng các chế độ khen thưởng theo quy định của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an. Khi tốt nghiệp, học viên được cấp văn bằng tốt nghiệp thuộc hệ thống văn bằng quốc gia; được Bộ Quốc phòng phong quân hàm sĩ quan, Bộ Công an phong cấp bậc hàm sĩ quan và phân công công tác.

Nghĩa vụ của học viên trong các trường quân đội, công an: Học viên phải nghiêm chỉnh chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, kỉ luật của Quân đội nhân dân, kỉ luật của Công an nhân dân và các quy định của nhà trường. Học viên khi ra trường sẵn sàng nhận nhiệm vụ theo phân công của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

II. CÔNG TÁC TUYỂN SINH, ĐÀO TẠO TRONG CÁC TRƯỜNG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM

1. Hệ thống nhà trường quân đội

Các học viện không tuyển sinh thí sinh từ học sinh phổ thông gồm: Học viện Quốc phòng, Học viện Lục quân và Học viện Chính trị.

Các học viện, trường sĩ quan (đại học) có tuyển sinh thí sinh từ học sinh phổ thông gồm: Học viện Kỹ thuật Quân sự (Đại học Kỹ thuật Lê Quý Đôn); Học viện Quân y (Trường Đại học Y – Dược Lê Hữu Trác); Học viện Hậu cần (Hình 3.2); Học viện Khoa học Quân sự; Học viện Biên phòng; Học viện Phòng không – Không quân; Học viện Hải quân; Trường Sĩ quan Lục quân 1 (Trường Đại học Trần Quốc Tuấn); Trường Sĩ quan Lục quân 2 (Trường Đại học Nguyễn Huệ); Trường Sĩ quan Chính trị (Trường Đại học Chính trị); Trường Sĩ quan Thông tin (Trường Đại học Thông tin liên lạc); Trường Sĩ quan Công binh (Trường Đại học Ngô Quyền); Trường Sĩ quan Pháo binh; Trường Sĩ quan Phòng hoá; Trường Sĩ quan Tăng thiết giáp; Trường Sĩ quan Không quân; Trường Sĩ quan Đặc công; Trường Đại học Văn hoá – Nghệ thuật Quân đội, Trường Sĩ quan Kỹ thuật Quân sự (Trường Đại học Trần Đại Nghĩa).



Hình 3.2. Học viện Hậu cần

Ngoài ra, trong hệ thống nhà trường quân đội còn có các trường cao đẳng, trung cấp, trường quân sự, Thiếu sinh quân như: Trường Cao đẳng Công nghiệp Quốc phòng;

Trường Cao đẳng Kỹ thuật Quân sự 1; Trường Cao đẳng Hậu cần 1; Trường Cao đẳng Hậu cần 2; Trường Cao đẳng Kỹ thuật Hải quân; Trường Cao đẳng Trinh sát; Trường Cao đẳng Kỹ thuật Thông tin; Trường Cao đẳng Kỹ thuật Phòng không – Không quân; Trường Cao đẳng Biên phòng; Trường Cao đẳng Kỹ thuật mật mã; Trường Trung cấp 24 Biên phòng; Trường Trung cấp Kỹ thuật Công binh; Trường Trung cấp Kỹ thuật Tăng thiết giáp; Trường Trung cấp Kỹ thuật miền Trung; Trường Quân sự Quân khu 1; Trường Quân sự Quân khu 2; Trường Quân sự Quân khu 3; Trường Quân sự Quân khu 4; Trường Quân sự Quân khu 5; Trường Quân sự Quân khu 7; Trường Quân sự Quân khu 9; Trường Quân sự Quân đoàn 12; Trường Quân sự Quân đoàn 34; Trường Thiếu sinh quân miền Bắc; Trường Thiếu sinh quân miền Trung; Trường Thiếu sinh quân miền Nam.

Em hãy kể tên các học viện, trường sĩ quan có tổ chức tuyển sinh quân sự từ học sinh phổ thông.

2. Công tác tuyển sinh và đào tạo

a) Một số nội dung cơ bản về công tác tuyển sinh

Tổ chức tuyển sinh trình độ đại học, cao đẳng hệ chính quy

– Đối tượng tuyển sinh

+ Thanh niên ngoài quân đội.

+ Hạ sĩ quan, binh sĩ đang phục vụ tại ngũ theo quy định của pháp luật về nghĩa vụ quân sự, có thời gian phục vụ tại ngũ đủ 12 tháng trở lên (tính đến tháng 4 năm tuyển sinh); quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng phục vụ trong quân đội đủ 12 tháng trở lên (tính đến tháng 9 năm tuyển sinh).

– Tiêu chuẩn tuyển sinh

+ Tiêu chuẩn về chính trị, đạo đức: Theo quy định của Đảng, Nhà nước, Quân uỷ Trung ương, Bộ Quốc phòng và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

+ Tiêu chuẩn về văn hoá (tính đến thời điểm xét tuyển): Đã tốt nghiệp Trung học phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Tiêu chuẩn về độ tuổi (tính đến năm dự tuyển): Thanh niên ngoài quân đội không quá 21 tuổi hoặc quân nhân tại ngũ hoặc đã xuất ngũ và công dân hoàn thành nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân không quá 23 tuổi.

+ Tiêu chuẩn về sức khoẻ: Theo quy định của Bộ Quốc phòng và các hướng dẫn có liên quan.

– Đăng kí sơ tuyển

+ Tất cả thí sinh dự tuyển vào các nhà trường quân đội đều phải qua sơ tuyển, bảo đảm đủ tiêu chuẩn về chính trị, văn hoá, độ tuổi, sức khoẻ theo quy định của Bộ Quốc phòng.



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH

BỘ SÁCH GIÁO KHOA LỚP 12 – KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

1. Ngữ văn 12, tập một
2. Ngữ văn 12, tập hai
3. Chuyên đề học tập Ngữ văn 12
4. Toán 12, tập một
5. Toán 12, tập hai
6. Chuyên đề học tập Toán 12
7. Lịch sử 12
8. Chuyên đề học tập Lịch sử 12
9. Địa lí 12
10. Chuyên đề học tập Địa lí 12
11. Giáo dục kinh tế và pháp luật 12
12. Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 12
13. Vật lí 12
14. Chuyên đề học tập Vật lí 12
15. Hoá học 12
16. Chuyên đề học tập Hoá học 12
17. Sinh học 12
18. Chuyên đề học tập Sinh học 12
19. Công nghệ 12 – Công nghệ Điện – Điện tử
20. Chuyên đề học tập Công nghệ 12 – Công nghệ Điện – Điện tử
21. Công nghệ 12 – Lâm nghiệp – Thuỷ sản
22. Chuyên đề học tập Công nghệ 12 – Lâm nghiệp – Thuỷ sản
23. Tin học 12 – Định hướng Tin học ứng dụng
24. Chuyên đề học tập Tin học 12 – Định hướng Tin học ứng dụng
25. Tin học 12 – Định hướng Khoa học máy tính
26. Chuyên đề học tập Tin học 12 – Định hướng Khoa học máy tính
27. Mĩ thuật 12 – Thiết kế mĩ thuật đa phương tiện
28. Mĩ thuật 12 – Thiết kế đồ hoạ
29. Mĩ thuật 12 – Thiết kế thời trang
30. Mĩ thuật 12 – Thiết kế mĩ thuật sân khấu, điện ảnh
31. Mĩ thuật 12 – Lí luận và lịch sử mĩ thuật
32. Mĩ thuật 12 – Điêu khắc
33. Mĩ thuật 12 – Kiến trúc
34. Mĩ thuật 12 – Hội hoạ
35. Mĩ thuật 12 – Đồ hoạ (tranh in)
36. Mĩ thuật 12 – Thiết kế công nghiệp
37. Chuyên đề học tập Mĩ thuật 12
38. Âm nhạc 12
39. Chuyên đề học tập Âm nhạc 12
40. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 12
41. Giáo dục thể chất 12 – Bóng chuyền
42. Giáo dục thể chất 12 – Bóng đá
43. Giáo dục thể chất 12 – Cầu lông
44. Giáo dục thể chất 12 – Bóng rổ
45. Giáo dục quốc phòng và an ninh 12
46. Tiếng Anh 12 – Global Success – Sách học sinh

Website: https://www.nxbgd.vn

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

ISBN: 978-604-0-39371-5

Giá: 11.000 đ